

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

NGUYỄN KHẮC VƯỢT

**LUẬT QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG KHAI THÁC THỦY SẢN
BẤT HỢP PHÁP, KHÔNG BÁO CÁO, KHÔNG THEO QUY ĐỊNH
VÀ THỰC TIỄN TẠI BIỂN ĐÔNG**

Chuyên ngành: Luật Quốc tế

Mã số: 9380108

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2025

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Hồng Thao, Học viện Ngoại giao

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án
cấp Học viện tại Học viện Ngoại giao

vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ...năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực, an ninh kinh tế, phát triển kinh tế cho các quốc gia cũng như thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người lao động trên toàn cầu. Theo báo cáo năm 2024 của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), năm 2022 trên thế giới có khoảng 61,8 triệu lao động trực tiếp khai thác và nuôi trồng thủy sản, khoảng 600 triệu người phụ thuộc vào nguồn thu nhập từ khai thác và nuôi trồng thủy sản, khoảng 3,3 tỷ người dựa vào sản phẩm thủy sản là nguồn thực phẩm cung cấp chính lượng protein; tổng giá trị sản phẩm thủy sản toàn cầu khoảng 472 tỷ USD, trong đó giá trị sản phẩm thủy sản xuất khẩu toàn cầu khoảng 195 tỷ USD.

Theo thống kê, Nhóm 25 nước khai thác sản phẩm thủy sản tự nhiên đứng đầu thế giới đã khai thác tới 80,1% (63,836 triệu tấn), trong đó riêng các nước khu vực Biển Đông (6 quốc gia, 1 vùng lãnh thổ) đã có 5 quốc gia nằm trong Nhóm này, chiếm tới 31,3% (25,01 triệu tấn) tổng sản lượng thủy sản khai thác toàn cầu. Hàng năm, có khoảng 20% tổng lượng thủy sản toàn cầu được khai thác bất hợp pháp, trị giá khoảng 23 tỷ USD. Bên cạnh đó, Biển Đông là một trong những khu vực khai thác thủy sản tốt nhất trên thế giới, với sản lượng khai thác khoảng 10 triệu tấn/năm, chiếm 10% sản lượng thủy sản khai thác toàn cầu và chiếm khoảng 23% sản lượng khai thác tại châu Á. Biển Đông là biển nửa kín, theo quy định của UNCLOS 1982 các quốc gia xung quanh khu vực Biển Đông phải có nghĩa vụ trong hợp tác để quản lý, bảo tồn và khai thác tài nguyên sinh vật biển. Tuy nhiên, Biển Đông là khu vực đang có tranh chấp về chủ quyền đối với một số đảo cũng như quyền chủ quyền, quyền tài phán trên một số vùng biển, nên để tạo sự đồng thuận trong việc tìm ra cơ chế hợp tác phù hợp trong

phòng, chống IUU là rất khó khăn. Các quốc gia khu vực Biển Đông vừa tham gia IUU, đồng thời cũng là nạn nhân của IUU. Giải quyết được vấn đề IUU ở Biển Đông sẽ đóng góp một phần không nhỏ vào nỗ lực toàn cầu trong phòng, chống IUU.

Đối với Việt Nam, thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn với lực lượng lao động lên tới hơn 4 triệu người, giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2023 khoảng 9,2 tỷ USD, chiếm 9-10% tổng kim ngạch xuất khẩu quốc gia và khoảng 4-5% GDP. Năm 2017, Ngành Thủy sản Việt Nam bị Ủy ban châu Âu (EC) cảnh báo “thẻ vàng” vì không có biện pháp thỏa đáng để ngăn chặn việc khai thác IUU. Việc ngành thủy sản Việt Nam bị EC phạt “thẻ vàng” không những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động xuất khẩu thủy sản, mà còn ảnh hưởng xấu tới hình ảnh và uy tín của Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

Để phòng, chống IUU cần dựa trên luật quốc tế, luật và các quy định của các quốc gia để đưa ra các biện pháp phù hợp. Vậy, thực trạng công tác phòng, chống IUU tại Biển Đông hiện nay như thế nào? Các cơ chế hiện có trong khu vực Biển Đông có phát huy tốt tác dụng không, có cần thay đổi, bổ sung không? Để phòng, chống IUU hiệu quả cần phải xây dựng cơ chế hợp tác giữa các quốc gia khu vực Biển Đông như thế nào? Việt Nam cần có những giải pháp gì để tháo gỡ thẻ vàng của EC?

Để phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp phòng, chống IUU, tác giả chọn đề tài: ***“Luật quốc tế về phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và thực tiễn tại Biển Đông”*** thực sự có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Đối với các bài nghiên cứu trong nước, các tác giả đã tập trung nghiên cứu một số quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật một số

quốc gia về phòng, chống IUU; đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Việt Nam; một số mô hình hợp tác quản lý nghề cá ở vùng biển tranh chấp.

2.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Đối với các nghiên cứu ngoài nước, các tác giả đã nghiên cứu tương đối toàn diện, từ khía cạnh pháp lý, đến các biện pháp quản lý, hợp tác quốc tế và khu vực để chống IUU. Đề xuất giải pháp để phòng chống IUU hiệu quả, các tác giả cho rằng các giải pháp cần phù hợp với trình độ kỹ thuật, văn hoá, tập quán và pháp luật của từng nước, đồng thời thúc đẩy các biện pháp hợp tác thực chất trên lĩnh vực phòng chống IUU trong khu vực.

Qua phân tích nguồn tài liệu liên quan đến IUU ta nhận thấy, các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước tương đối đa dạng và phong phú, từ các biện pháp quản lý, hợp tác đến thực thi pháp luật. Các nghiên cứu này rất quan trọng cho việc định hướng nghiên cứu, cung cấp thông tin, tư liệu cho việc minh chứng các luận chứng và luận cứ nghiên cứu trong luận án. Tuy nhiên, phần nghiên cứu mô hình hợp tác nghề cá, biện pháp phòng, chống IUU còn chưa đầy đủ, đây là dư địa để luận án có thể khai thác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ việc thực thi luật quốc tế trong phòng, chống IUU ở một số khu vực, quốc gia trên thế giới và thực tiễn tại Biển Đông; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng chống IUU ở khu vực Biển Đông và Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

(i) Phân tích cơ sở pháp lý quốc tế về phòng, chống IUU; (ii) Tổng hợp đánh giá thực tiễn hợp tác phòng, chống IUU ở một số quốc gia và một số khu vực tiêu biểu trên thế giới, tập trung các khu vực biển kín, nửa kín và khu vực biển có tranh chấp; (iii) Phân tích và đánh

giá thực trạng công tác phòng, chống IUU tại Biển Đông; (iv) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU ở Biển Đông và Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của Luận án: Pháp luật quốc tế về IUU; một số mô hình hợp tác nghề cá ở vùng biển chồng lấn; biện pháp phòng chống IUU của một số khu vực trên thế giới và khu vực Biển Đông.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Một số khu vực biển nửa kín trên thế giới như khu vực biển Hoàng Hải, biển Đông Trung Hoa, Biển Đông và các nước khu vực Biển Đông.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu các hoạt động hợp tác quản lý, bảo tồn tài nguyên sinh vật biển và phòng chống IUU tại Biển Đông giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh, quy nạp, dự báo, rà soát, giải thích văn bản pháp luật và phương pháp chuyên gia.

6. Những đóng góp của luận án

Về cơ sở pháp lý và thực tiễn, Luận án bổ sung cách tiếp cận về pháp lý cũng như thực tiễn trong việc phòng, chống IUU tại một số khu vực và quốc gia trên thế giới, tại Biển Đông và Việt Nam. Đề xuất một số cơ chế hợp tác cụ thể cũng như làm sáng tỏ các cơ chế đã có nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Biển Đông. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU ở Việt Nam.

Về chính sách, Luận án có thể được sử dụng như một tài liệu cơ sở pháp lý và thực tiễn để Việt Nam xây dựng chính sách và đàm phán

với các nước trong khu vực Biển Đông về hợp tác trong phòng, chống IUU.

Về đào tạo, Luận án có thể được sử dụng như nguồn tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo về phòng, chống IUU cũng như trong các buổi tập huấn về lĩnh vực này.

7. Kết cấu của luận án

Luận án bao gồm phần mở đầu, nội dung, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục. Phần nội dung của luận án được kết cấu thành ba chương, mỗi chương có tiểu kết riêng.

CHƯƠNG 1

KHUNG PHÁP LÝ QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG IUU

1.1. Khái quát chung về IUU

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển luật quốc tế về IUU

1.1.1.1. Tự do biển cả và vấn đề IUU

Theo thuyết tự do biển cả, Hugo Grotius quan niệm rằng, tài nguyên sinh vật biển là vô hạn, mọi người có thể tự do đánh bắt mà không lo cạn kiệt. Khi đó, chưa có khái niệm về quản lý tài nguyên sinh vật cũng như chưa có nhu cầu về phòng, chống IUU. Nguyên tắc tự do tiếp cận tài nguyên sinh vật biển trở thành nguyên tắc nền tảng của quản lý nghề cá. Xuất phát từ nguyên tắc tự do biển cả, tự do đánh bắt cá trở thành một nguyên tắc của tập quán luật quốc tế.

1.1.1.2. Sự phân chia các vùng biển và vấn đề IUU

Thông qua các hội nghị luật biển, nhất là kể từ khi UNCLOS 1982 ra đời, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển được mở rộng, cũng đồng nghĩa với việc biển cả bị thu hẹp. Phạm vi và quy chế pháp lý của các vùng biển được quy định rõ ràng hơn, các hoạt động trên biển được kiểm soát chặt chẽ hơn. Nghĩa vụ quản lý, bảo tồn, khai thác và bảo vệ hợp lý tài nguyên thay đổi từ quan điểm tài nguyên sinh vật là vô hạn theo quan điểm của thuyết tự do biển cả sang tài nguyên sinh vật là giới hạn và phải được bảo tồn;

cân bằng quyền lợi quốc gia, mở rộng biển, các vùng biển và biển cả theo UNCLOS 1982. Nhu cầu về hợp tác để quản lý, bảo tồn, khai thác, bảo vệ hợp lý tài nguyên và phòng, chống IUU được xuất hiện.

1.1.2. Lịch sử khái niệm IUU

Năm 1992, tại Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (United Nations Conference on Environment Development - UNCED), tại chương 17 chương trình nghị sự 21 đã xác định một số thành tố gây cản trở sự phát triển nghề cá ở biển cả, cụ thể “đánh cá không theo quy định, khai thác quá mức, kích cỡ tàu đánh cá vượt quá quy định, thay đổi quốc gia mang cờ nhằm trốn tránh sự kiểm soát, lưới đánh cá không đảm bảo, cơ sở dữ liệu không tin tưởng hoặc thiếu hợp tác giữa các quốc gia”. Thuật ngữ IUU không được đề cập trực tiếp ở văn bản này, tuy nhiên các thành tố trên đã xuất hiện trong khái niệm về IUU trong một số văn bản sau này.

Năm 1997, tại phiên họp thứ 16 của Ủy ban về Bảo tồn Tài nguyên sinh vật biển Nam Cực (*Commission for the Conservation of Antarctic Marine Living Resources* - CCAMLR), thuật ngữ IUU lần đầu tiên được sử dụng, sau đó thuật ngữ này đã được sử dụng thường xuyên trong các phiên họp của CCAMLR. Năm 1999, thuật ngữ IUU được đề cập trong báo cáo của Tổng thư ký Liên hợp quốc tại cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Năm 2001, FAO thông qua Kế hoạch hành động toàn cầu ngăn chặn, giảm thiểu và loại trừ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IPOA-IUU), theo đó đã đưa ra định nghĩa cụ thể về nội hàm riêng biệt của ba thành tố trong thuật ngữ IUU.

1.1.3. Khái niệm IUU

Chưa có định nghĩa chính thức về IUU, theo FAO có thể tập trung vào một số phạm vi sau.

1.1.3.1. Khai thác thủy sản bất hợp pháp

Khai thác thủy sản bất hợp pháp (illegal fishing) là một trong những hoạt động sau: (1) Do công dân hay tàu thuyền nước ngoài thực hiện trong vùng biển thuộc quyền tài phán của một quốc gia mà không có giấy phép của quốc gia đó hoặc trái với các quy định và pháp luật của quốc gia đó; (2) Do tàu thuyền mang cờ của các quốc gia là thành viên của một tổ chức quản lý nghề cá khu vực (*regional fisheries management organization - RFMO*) nhưng hoạt động trái với các biện pháp quản lý và bảo tồn của tổ chức đó và các biện pháp mà quốc gia mà tàu mang cờ có nghĩa vụ phải thực hiện hoặc trái với các quy định có liên quan của luật quốc tế; hoặc (3) Vi phạm pháp luật quốc gia hay các nghĩa vụ quốc tế, bao gồm các nghĩa vụ mà các quốc gia liên quan cam kết với RFMOs.

1.1.3.2. Khai thác thủy sản không báo cáo

Khai thác thủy sản không báo cáo (unreported fishing) là một trong những hoạt động sau: (1) Các cơ quan có thẩm quyền không được báo cáo hoặc được báo cáo không chính xác trái với quy định của pháp luật quốc gia liên quan; hoặc (2) Được tiến hành trong khu vực thuộc phạm vi quản lý của RFMO mà tổ chức này không được báo cáo hay bị báo cáo sai trái với quy định về báo cáo của tổ chức đó.

1.1.3.3. Khai thác thủy sản không theo quy định

Khai thác thủy sản không theo quy định (unregulated fishing) là một trong những hoạt động sau: (1) Trong khu vực thuộc phạm vi của RFMO, do một tàu không quốc tịch, hoặc tàu mang cờ của một quốc gia không là thành viên của tổ chức đó, hoặc do một tổ chức đánh bắt cá theo cách thức trái với biện pháp bảo tồn và quản lý của RFMO đó; hoặc (2) Trong khu vực hoặc đối với nguồn cá không được điều chỉnh bởi bất kỳ biện pháp bảo tồn hay quản lý nào và trong khu vực mà hoạt động khai thác được tiến hành theo cách thức trái với trách nhiệm của một quốc gia trong việc bảo tồn tài nguyên sinh vật theo luật quốc tế.

1.1.4. Nguyên nhân

Nguyên nhân gây ra IUU rất đa dạng, một số nguyên nhân chính cụ thể như sau: Sự gia tăng về nhu cầu thủy sản; sự phát triển nhanh chóng của các đội tàu cá dẫn đến sự dư thừa năng lực khai thác; năng lực quản lý và giám sát của các cơ quan chức năng còn hạn chế; việc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo tồn giám sát các hoạt động nghề cá của một số quốc gia chưa phù hợp với quy định của luật quốc tế; việc tuyên truyền và nhận thức về IUU của nhân dân, đặc biệt của ngư dân còn hạn chế; việc đàm phán phân định biển và hợp tác quốc tế trong phòng, chống IUU có nơi vẫn chưa được quan tâm thỏa đáng là những nguyên nhân dẫn đến tình trạng IUU như hiện nay.

1.1.5. Hậu quả

Nghiên cứu cho thấy 90% hoạt động đánh bắt IUU xảy ra trong các khu vực thuộc thẩm quyền của các quốc gia ven biển, đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế của các quốc gia đó, nhất là các quốc gia đang phát triển, nguồn thu chính dựa vào xuất khẩu thủy sản và thu thuế từ hoạt động cấp giấy phép khai thác thủy sản. Bên cạnh đó, khai thác IUU ảnh hưởng đến cả loài và hệ sinh thái và môi trường tại khu vực diễn ra hoạt động IUU.

1.2. Các quy định của luật quốc tế về phòng, chống IUU

1.2.1. Điều ước quốc tế

Luận án tập trung phân tích 4 điều ước quốc tế chính trong phòng, chống IUU bao gồm: UNCLOS 1982; Hiệp định thúc đẩy việc tuân thủ các biện pháp quốc tế về bảo tồn quản lý thực hiện bởi tàu cá tại vùng biển quốc tế của FAO năm 1993; Hiệp định thực thi các điều khoản của Công ước 1982 về bảo tồn và quản lý các đàn cá lưỡng cư và di cư xa của Liên hợp quốc năm 1995; Hiệp định về biện pháp của các quốc gia có cảng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ IUU năm 2009. Bên cạnh đó, Hiệp định về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học ở vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia (BBNJ) và

Hiệp định về hỗ trợ nghề cá của WTO, hai văn bản này đã được thông qua, tuy chưa có hiệu lực nhưng nó đang được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, các văn bản này cung cấp thêm khung pháp lý trong phòng, chống IUU.

1.2.2. Các văn bản luật mềm

Ngoài các điều ước quốc tế, còn có các văn bản luật mềm như Bộ quy tắc ứng xử của FAO về khai thác hải sản có trách nhiệm; Chương trình hành động quốc tế nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và xóa bỏ IUU; một số quy định về phòng, chống IUU của Tổ chức nghề cá khu vực và hội nghị quốc tế đóng vai trò qua trọng trong phòng, chống IUU. Mặc dù là các văn bản luật mềm nhưng nội dung các văn bản này xây dựng trên cơ sở các điều ước quốc tế nên đây là các hướng dẫn quan trọng trong phòng, chống IUU.

1.2.3. Nhận xét

Các quy định của Luật quốc tế về phòng, chống IUU được quy định ở một số điều ước quốc tế, mỗi điều ước giải quyết một số vấn đề cụ thể để phòng, chống IUU. Quy định về phòng, chống IUU ở các văn bản luật mềm cơ bản được xây dựng trên cơ sở các điều ước quốc tế với mục đích khuyến nghị các quốc gia không phải thành viên của các điều ước quốc tế thực hiện các biện pháp để quản lý, bảo tồn, khai thác bền vững nguồn tài nguyên sinh vật biển và phòng, chống IUU. Một số văn bản luật mềm có các quy định về biện pháp phòng, chống IUU mà các điều ước quốc tế chưa đề cập tới, nó góp phần bổ sung các biện pháp phòng, chống IUU trên toàn cầu được toàn diện hơn.

Tiểu kết chương 1

Luật quốc tế điều chỉnh vấn đề phòng, chống IUU chưa được quy định tại một văn kiện thống nhất mà được quy định trong nhiều văn bản khác nhau bao gồm các điều ước quốc tế cũng như các văn bản luật mềm. Qua đây có thể thấy IUU là vấn đề phức tạp nên khó có thể có một văn kiện nào có thể điều chỉnh được toàn bộ các vấn đề liên

quan. UNCLOS 1982 cung cấp khung pháp lý về bảo tồn, quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên sinh vật biển bền vững, đây cũng là mục tiêu chính cần đạt được của công tác phòng, chống IUU. Các hiệp định trong khuôn khổ của FAO và WTO quy định các phương thức, giải pháp cụ thể mà các quốc gia cần tuân thủ để phòng, chống IUU hiệu quả. Bên cạnh các điều ước quốc tế, để phòng, chống IUU cộng đồng quốc tế còn thông qua các văn bản luật mềm mang tính chất khuyến nghị, các văn bản này không tạo ra nghĩa vụ ràng buộc về mặt pháp lý, nhưng nó giúp các quốc gia điều chỉnh hành vi và thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu trong phòng, chống IUU trên phạm vi toàn thế giới. Các văn bản luật mềm này bổ sung cho các khuyết thiếu của các điều ước quốc tế, khiến cho các biện pháp được áp dụng rộng rãi và tăng tính hiệu quả trong phòng, chống IUU.

Qua nghiên cứu nhận thấy cộng đồng quốc tế đã thể hiện mối quan tâm đến xây dựng khung pháp lý phòng, chống IUU, tuy nhiên còn thiếu các quy định và biện pháp cụ thể và điều này cần căn cứ vào thực tiễn khu vực và quốc gia.

CHƯƠNG 2

THỰC THI LUẬT QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG IUU TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Biện pháp của một số quốc gia trong phòng, chống IUU

2.1.1. Biện pháp của một số quốc gia có thị trường nhập khẩu thủy sản lớn

2.1.1.1. Biện pháp của Liên minh châu Âu

Hàng năm, ước tính có khoảng 40% tổng sản lượng thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc từ thủy sản được giao dịch trên thị trường quốc tế, trong đó riêng thị trường châu Âu đã chiếm tới 40% tổng sản phẩm thủy sản nhập khẩu toàn cầu. Do vậy, EU đã sử dụng biện pháp thương mại như là một công cụ tiềm năng trong phòng, chống IUU. Để ngăn chặn các sản phẩm thủy sản có nguồn gốc khai thác IUU tiêu thụ tại

thị trường châu Âu, ngày 29/9/2008 Ủy ban châu Âu (EC) đã ban hành Quy định số 1005/2008, quy định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

Quy định No 1005/2008 quy định tàu cá của quốc gia thứ ba muốn cập cảng, chuyển tải thì chỉ được cập một số cảng nhất định do thành viên các nước thành viên EU chỉ định, ít nhất trước ba ngày làm việc thuyền trưởng, hoặc người đại diện tàu cá phải thông báo cho các cơ quan chức năng về cảng dự kiến mà tàu sẽ cập, gửi kèm theo các thông tin đánh bắt như số lượng, loài cá, thời gian, địa điểm đánh bắt các loài đó. Quy định 1005/2008 của EU còn đưa ra biện pháp cảnh báo thẻ “vàng”, thẻ “đỏ” đối với tàu và quốc gia tham gia khai thác IUU, tương ứng với cảnh báo thẻ là các biện pháp hạn chế thương mại.

2.1.1.2. Biện pháp của Mỹ

Mỹ là nước nhập khẩu lớn đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản từ các nước với kim ngạch khoảng 30 tỷ USD/năm, chiếm khoảng 18% tổng sản phẩm thủy sản nhập khẩu toàn cầu. Tuy nhiên, có tới 32% lượng hải sản đánh bắt tự nhiên nhập khẩu vào Mỹ có nguồn gốc khai thác bất hợp pháp. Trước tình hình đó, Mỹ đã có nhiều biện pháp được đưa ra nhằm quản lý nghề cá, chống khai thác IUU. Một trong những biện pháp quan trọng mà Mỹ đưa ra để chống sản phẩm nguồn gốc IUU nhập khẩu vào Mỹ là “chương trình truy xuất nguồn gốc hải sản nhập khẩu” (Seafood Import Monitoring Program - SIMP)

Bên cạnh đó, Mỹ còn ban hành Luật phòng, chống IUU năm 2015; sửa đổi luật cấm lưới trôi, hướng dẫn cơ quan quản lý khí quyển và đại dương và Cảnh sát biển Mỹ thi hành pháp luật liên quan đến IUU bằng cách trao thẩm quyền cho các cơ quan này thực thi pháp luật như tịch thu tàu thuyền và các hình phạt hành chính cũng như hình sự. Hơn nữa, Mỹ đã thành lập Đội đặc nhiệm của Tổng thống (Presidential Task Force) chống khai thác IUU và hải sản nhập lậu. Đội đặc nhiệm đã ra chương trình hành động quy định các bước cụ thể để các cơ quan liên bang Mỹ thực thi các biện pháp chống khai thác IUU.

2.1.2. Biện pháp của một số quốc gia đã bị EC cảnh báo và gỡ được thẻ vàng

2.1.2.1. Biện pháp của Hàn Quốc

Đề gỡ “thẻ vàng” Hàn Quốc đã triển khai các biện pháp đồng bộ để phòng, chống IUU theo khuyến nghị của EU. Một là, Hàn Quốc đã sửa đổi Luật phát triển nghề cá ở vùng biển xa bờ vào năm 2013 theo hướng tăng các biện pháp trừng phạt đối với người khai thác cũng như hưởng lợi từ IUU. Hai là, điều chỉnh kế hoạch hành động quốc gia cho phù hợp với quy định của IPOA-IUU, tăng cường các biện pháp kiểm soát tại cảng, quy định bắt buộc lắp đặt hệ thống giám sát tàu thuyền (vessel-monitoring systems - VMS) đối với tàu cá. Ba là, tăng cường hợp tác với EU về phòng, chống IUU và tổ chức huấn luyện thường xuyên cho các thủy thủ tàu cá. Bên cạnh đó, Hàn Quốc đã tham gia toàn bộ 04 điều ước quốc tế về phòng chống IUU như UNCLOS 1982, Hiệp định FAO 1993, Hiệp định UNFSA 1995 và Hiệp định PSMA 2009.

2.1.2.2. Biện pháp của Thái Lan

Một trong những biện pháp chủ đạo, giữ vai trò xuyên suốt trong phòng, chống IUU của Thái Lan là trang bị hệ thống giám sát tàu cá (VMS) cho tất cả tàu có lượng dân nước trên 10 tấn ra khơi. Cùng với Chính phủ, các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Thái Lan cũng vào cuộc. Hơn nữa, Chính phủ Thái Lan đã thực hiện một loạt các biện pháp nhằm giảm tình trạng khai thác IUU. Một là, thành lập trung tâm chỉ huy chống khai thác IUU để phối hợp các lực lượng. Hai là, áp dụng các chế tài xử phạt nặng cả hành chính lẫn xử lý hình sự; chủ sở hữu cảng cá, thương nhân tại chợ cá, chủ tàu chuyên chở hải sản IUU sẽ bị thu hồi giấy phép đăng ký, tàu thuyền khai thác IUU sẽ bị đình chỉ giấy phép hoặc thu hồi giấy phép khai thác. Ba là, thu lại đăng ký tàu cá cũ không đủ điều kiện khai thác thủy sản, không cấp mới đăng ký tàu cá nhằm cắt giảm số lượng tàu cá, cấm một số loại

ngư cụ và thiết lập khu bảo tồn tài nguyên sinh vật biển. Bên cạnh đó, Thái Lan đã tham gia 03 điều ước quốc tế về phòng chống IUU như UNCLOS 1982, Hiệp định UNFSA 1995 và Hiệp định PSMA 2009. Qua đó, Thái Lan có thể thực hiện các cam kết quốc tế và hợp tác quốc tế về phòng, chống IUU.

2.1.3. Nhận xét và đánh giá về các biện pháp phòng, chống IUU của một số quốc gia

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến khai thác IUU trên toàn cầu hiện nay là mục đích kinh tế, khai thác IUU hiện nay sẽ ít chi phí hơn khai thác thủy sản có trách nhiệm vì họ trốn tránh các chi phí bắt buộc như phí khai thác, chi phí để lắp đặt các thiết bị giám sát, cũng như khai thác tại các vùng biển cấm có nhiều loài giá trị cao về mặt kinh tế. Theo nghiên cứu của OECD đã chỉ ra rằng, để phòng, chống IUU hiệu quả thì việc quan trọng là áp dụng các biện pháp để giảm lợi nhuận từ khai thác IUU, tăng chi phí và tăng mức độ rủi ro do khi khai thác IUU. Khai thác IUU trên toàn cầu sẽ giảm mạnh và tiến tới chấm dứt chỉ khi chi phí cho hoạt động này lớn hơn đáng kể so với lợi nhuận do khai thác IUU thu được. Các biện pháp được các quốc gia áp dụng có thể là các biện pháp về pháp luật, biện pháp thực thi, giám sát, biện pháp hợp tác trong phòng, chống IUU.

2.2. Biện pháp quản lý thông qua các thỏa thuận hợp tác nghề cá

2.2.1. Thỏa thuận nghề cá ở Đông Bắc Á

Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc là ba nước nằm ở Đông Bắc Á đều là thành viên của UNCLOS 1982 và đều tuyên bố EEZ rộng 200 hải lý. Tuy nhiên, toàn bộ khu vực tiếp giáp hay đối diện giữa ba nước trong khu vực biển Hoàng Hải và hầu hết vùng biển Đông Trung Hoa có độ rộng nhỏ hơn 200 hải lý, nên đã tạo một số vùng biển tranh chấp và vùng biển chồng lấn giữa các quốc gia. Ba nước đã tiến hành đàm phán để phân định EEZ nhưng nhận thấy rất khó khăn để đạt được

phân định cuối cùng. Trong quá trình đàm phán phân định, ba nước đã sử dụng thỏa thuận tạm thời về quản lý nghề cá. Ba thỏa thuận về nghề cá bao gồm: (1) Thỏa thuận về nghề cá giữa Nhật Bản và Hàn Quốc có hiệu lực tháng 01/1999, (2) Thỏa thuận về nghề cá giữa Nhật Bản và Trung Quốc có hiệu lực tháng 6/2000 và (3) Thỏa thuận về nghề cá giữa Hàn Quốc và Trung Quốc có hiệu lực tháng 6/2001.

2.2.2. Thỏa thuận nghề cá giữa Nhật Bản và Đài Loan

Nhật Bản và Đài Loan (Trung Quốc) bắt đầu đàm phán về thỏa thuận nghề cá từ năm 1996 mặc dù tranh chấp lãnh thổ đối với đảo Senkaku/Điếu ngư, sau 17 vòng đàm phán năm 2013 hai nước đã ký thỏa thuận nghề cá để quản lý nghề cá ở vùng biển tranh chấp. Thỏa thuận đã chia khu vực quản lý nghề cá chung thành các khu vực khác nhau, mỗi khu vực quy định chế độ pháp lý về nghề cá riêng.

2.2.3. Thỏa thuận nghề cá Việt Nam - Trung Quốc

Thỏa thuận hợp tác nghề cá thường được hiểu một cách hạn hẹp là chỉ giới hạn trước hoặc trong thời gian đàm phán phân định biển giữa các quốc gia. Tuy nhiên, thỏa thuận hợp tác nghề cá còn có thể tiến hành sau khi phân định ranh giới trên biển nhằm quản lý, khai thác tối ưu nguồn tài nguyên sinh vật biển, trường hợp điển hình là Thỏa thuận nghề cá Việt Nam - Trung Quốc tại vịnh Bắc Bộ. Hiệp định đã thiết lập một vùng đánh cá chung nằm dưới vĩ tuyến 20°N có bề rộng 30,5 hải lý tính từ đường phân định ra hai bên. Hiệp định này đã hết hiệu lực vào năm 2020 nên hiện tại, ngư dân của hai quốc gia chỉ được phép khai thác trong vùng biển của quốc gia mình. Hiệp định hợp tác nghề cá đã tạo ra một cơ chế hợp tác nghề cá mới trong khu vực, phù hợp với các quy định của UNCLOS 1982. Đây là những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của luật biển quốc tế và khu vực, góp phần ổn định và xây dựng một trật tự pháp lý mới trên Biển Đông.

2.2.4. Nhận xét và đánh giá về các thỏa thuận hợp tác nghề cá

Trong một số mô hình Thỏa thuận nghề cá tạm thời đều có một số điểm chung như sau: Thứ nhất, hầu hết các quốc gia liên quan thường đàm phán thông qua các Thỏa thuận nghề cá dưới dạng điều ước quốc tế, nghĩa là các Thỏa thuận này cần được sự phê chuẩn bởi các quốc gia. Lý do dường như là các quốc gia thường coi trọng việc khai thác tài nguyên sinh vật biển. Thứ hai, cách thức quản lý tài nguyên sinh vật trong vùng tranh chấp có thể có một số tác động nhất định đến thời gian đàm phán phân định biển cuối cùng, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là các Thỏa thuận tạm thời này ảnh hưởng tới quan điểm của các Bên. Thứ ba, điều khoản “không phương hại” tới lập trường và quan điểm của mỗi Bên thường được sử dụng trong các thỏa thuận tạm thời. Cuối cùng, để thực hiện hiệu quả thỏa thuận các bên các bên thường thành lập Ủy ban nghề cá chung gồm có thành phần đại diện của các Bên.

Tiểu kết chương 2

Mỗi quốc gia tùy thuộc vào điều kiện cụ thể để đưa ra các biện pháp phù hợp để phòng, chống IUU nhưng đều dựa trên một nguyên lý cơ bản là lợi nhuận và rủi ro, chừng nào lợi nhuận thu được lớn hơn so với rủi ro khi IUU mang lại thì tình trạng IUU sẽ chưa thể chấm dứt. EU thì dựa vào lợi thế là một thị trường lớn nhập khẩu thủy sản, nên sử dụng hệ thống cảnh báo “thẻ vàng”, “thẻ đỏ” để trừng phạt tàu thuyền, hoặc quốc gia nào vi phạm IUU bằng cách hạn chế thương mại hoặc cấm thương mại đối với mặt hàng thủy sản, gây thiệt hại cho tàu thuyền hoặc quốc gia bị phạt thẻ từ đó để điều chỉnh hành vi của tàu thuyền hoặc quốc gia đó không khai thác IUU nếu tiếp tục muốn tiếp cận thị trường châu Âu. Mỹ đưa ra chương trình kiểm soát nhập khẩu thủy sản nhằm kiểm soát và ngăn chặn hàng hóa có nguồn gốc từ IUU ngay tại cửa khẩu.

Một số biện pháp phòng chống IUU cơ bản như biện pháp pháp luật, biện pháp thực thi và biện pháp hợp tác. Các nước ban hành luật,

phòng chống IUU thường có xu hướng tăng nặng hình phạt đối với IUU nhất là trường hợp tái phạm nhằm tăng tính răn đe. Các biện pháp thực thi giám sát thường chú trọng đến hình thức giám sát tàu thuyền bằng thời gian thực, giám sát tại cảng, và giám sát quá trình vận chuyển, chế biến, xuất khẩu các mặt hàng thủy sản.

Đối với các khu vực tranh chấp thường là điểm nóng trong phòng, chống IUU vì thiếu vắng sự điều chỉnh của pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của quốc gia. Các quốc gia liên quan trong quá trình đàm phán phân định để tìm giải pháp lâu dài vẫn có thể hợp tác thông qua các Thỏa thuận nghề cá tạm thời để quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên sinh vật theo điều 74(3) và 83(3) UNCLOS 1982.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG IUU TẠI BIỂN ĐÔNG VÀ VIỆT NAM

3.1. Biển Đông và các tranh chấp trên Biển Đông

3.1.1. Vị trí địa lý

Biển Đông là một vùng biển nửa kín nằm ở phía Tây Thái Bình Dương trải dài trên diện tích khoảng 3,5 triệu km². Đây là một tuyến đường vận biển quan trọng, một ngư trường phong phú và có thể có nguồn tài nguyên dầu khí đáng kể.

3.1.2. Các tranh chấp trên Biển Đông

Khu vực Biển Đông có hai loại tranh chấp chính: tranh chấp chủ quyền đối với các thực thể và tranh chấp quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển được tạo ra từ lãnh thổ đất liền.

3.2. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Biển Đông

3.2.1. Tầm quan trọng của việc phòng, chống IUU ở Biển Đông

Hợp tác quản lý nghề cá thực tế không chỉ quan trọng, nó còn là nghĩa vụ pháp lý được quy định tại Điều 123, UNCLOS 1982 đối với vùng biển nửa kín như Biển Đông. Nếu các quốc gia trong khu vực

Biển Đông không hợp tác với nhau trong lĩnh vực này thì sớm hay muộn nguồn tài nguyên sinh vật, nhất là nguồn cá sẽ dần bị cạn kiệt tới mức khó có thể phục hồi, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh lương thực, sinh kế của ngư dân cũng như ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, đa dạng sinh học.

3.2.2. Thực trạng phòng, chống IUU tại Biển Đông

3.2.2.1 Thực trạng ký kết, phê chuẩn và tham gia các văn kiện quốc tế phòng, chống IUU của các quốc gia ven Biển Đông

Các nước xung quanh Biển Đông chỉ duy nhất mới có Philippines tham gia toàn bộ các điều ước quốc tế liên quan đến IUU; ngược lại Bunei, Malaysia và Trung Quốc chưa tham gia bất kỳ điều ước nào; Indonesia và Việt Nam chưa tham gia Hiệp định tuân thủ của FAO 1993. Như vậy, sự cam kết quốc tế về phòng chống IUU của các nước ở Biển Đông chưa được thực sự quan tâm đúng mức.

Ở các mức độ khác nhau, tất cả các quốc gia ở Biển Đông đều ban hành các luật và quy định liên quan đến nghề cá để điều chỉnh các hoạt động đánh bắt cá trong vùng biển thuộc thẩm quyền của mình, tăng cường các biện pháp giám sát và kiểm soát các hoạt động đánh bắt IUU hoặc xử phạt hành vi IUU.

3.2.2.2. Biện pháp quản lý và thực thi, hợp tác

Các quốc gia xung quanh Biển Đông đã thực hiện một số biện pháp như: Quy định bắt buộc lắp đặt VMS đối với đội tàu cá xa bờ và yêu cầu phải mở thiết bị khi đánh cá trên biển; đưa vào danh sách đen đối với các tàu không tuân thủ các biện pháp quản lý và bảo tồn, đối với thủy thủ tàu cá vi phạm thì bị thu hồi giấy phép; cắt giảm trợ cấp nhiên liệu của chính phủ đối với đội tàu khai thác xa bờ; cải thiện hệ thống thu thập dữ liệu và báo cáo; tổ chức các khóa tập huấn cho thủy thủ về pháp luật và các quy định về đánh bắt thủy sản; áp dụng truy xuất nguồn gốc; thiết lập giấy phép đánh bắt điện tử; tăng cường hợp tác với các nước tiếp giáp, liên kết trong phòng chống IUU; chủ động

đàm phán với WTO về một số biện pháp trợ cấp dẫn tới quá năng lực khai thác của đội tàu cá.

3.2.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Biển Đông

Trên cơ sở khảo sát khung pháp lý quốc tế và thực tiễn các khu vực và quốc gia về phòng, chống IUU, Luận án xem xét và đề xuất một số biện pháp sau.

3.2.3.1. Thành lập Tổ chức quản lý nghề cá tiểu khu vực Biển Đông

Về thành viên, có thể có hai phương án. Phương án thứ nhất, thành viên của Tổ chức quản lý nghề cá tiểu khu vực Biển Đông sẽ bao gồm các quốc gia ven Biển Đông và Đài Loan (Trung Quốc) với tư cách “Thực thể đánh cá” là thành viên ban đầu và bao gồm các quốc gia khác có tàu đánh cá hoạt động ở Biển Đông. Phương án hai dựa trên DOC, tất cả các bên ký DOC đều thành viên ban đầu và bao gồm cả các quốc gia và tổ chức khác đang có tàu đánh cá hoạt động ở Biển Đông. Về ranh giới vùng nước, sẽ là toàn bộ khu vực Biển Đông sẽ tránh được vấn đề nhạy cảm và khó khăn trong việc giải quyết các tình huống tranh chấp bằng cách coi toàn bộ Biển Đông là một hệ sinh thái.

3.2.3.2. Thiết lập thỏa thuận hợp tác nghề cá tại Biển Đông

Khu vực ngoài cửa vịnh Bắc Bộ, đây là khu vực chồng lấn giữa Việt Nam và Trung Quốc trong quá trình đàm phán phân định biển với Trung Quốc, Việt Nam có thể đồng thời đàm phán Hiệp định hợp tác nghề cá với Trung Quốc tương tự như Hiệp định hợp tác nghề cá vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 2000.

Khu vực quần đảo Hoàng Sa, đây là khu vực tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan. Để đàm phán phân định trong thời điểm này là không khả thi. Nếu hợp tác cùng phát triển, nhất là hợp tác về nghề cá thì đây là khu vực tiềm năng. Do vậy, các bên có thể sử dụng mô hình hợp tác nghề cá giữa Nhật Bản và Hàn quốc năm

2000, hoặc mô hình hợp tác nghề cá giữa Nhật Bản và Đài Loan năm 2013 để tham khảo.

Khu vực giữa Biển Đông và quần đảo Trường Sa, đây là khu vực vừa có sự tranh chấp lãnh thổ đối với các đảo, vừa có sự tranh chấp các vùng biển do sự chồng lấn, số lượng các bên tranh chấp đông nên trong tương lai gần đàm phán, phân định biển là không khả thi. Mô hình hợp tác phù hợp tại khu vực này cần tham khảo mô hình hợp tác nghề cá giữa Nhật Bản và Hàn quốc năm 2000, hoặc mô hình hợp tác nghề cá giữa Nhật Bản và Đài Loan năm 2013 làm cơ sở đàm phán thỏa thuận hợp tác nghề cá giữa các bên.

3.2.3.3. Thúc đẩy hợp tác giữa các lực lượng thực thi pháp luật về phòng, chống IUU trên Biển Đông

Biển Đông vừa có tranh chấp song phương, vừa có những tranh chấp đa phương. Do vậy, trong bối cảnh IUU ở Biển Đông hiện nay, cùng với cơ chế hợp tác song phương hiện có, cần thiết lập cơ chế hợp tác đa phương giữa lực lượng thực thi pháp luật trên biển các nước khu vực Biển Đông trong lĩnh vực phòng chống IUU là hết sức cấp thiết nó không những giúp giảm căng thẳng, ngăn chặn nguy cơ xung đột, giúp quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên sinh vật biển, mà còn thúc đẩy xây dựng lòng tin trong hợp tác trên các lĩnh vực khác và tạo điều kiện thuận lợi cho đàm phán phân định biển sau này.

3.3. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Việt Nam

3.3.1. Thực trạng phòng, chống IUU tại Việt Nam

3.3.1.1. Tình hình tàu cá vi phạm IUU

Cho đến nay, chưa có số liệu thống kê cụ thể về tình hình tàu cá Việt Nam vi phạm IUU tại vùng biển Việt Nam. Tuy nhiên, không có nghĩa là tàu cá Việt Nam không vi phạm IUU ở vùng biển Việt Nam. Một trong những nguyên nhân chính mà EC cảnh cáo thẻ vàng đối với ngành Thủy sản Việt Nam là tàu cá Việt Nam vi phạm khai thác IUU

ở vùng biển nước ngoài. Bên cạnh đó, tàu cá nước ngoài khai thác IUU tại vùng biển Việt Nam chủ yếu đến từ các nước có đường bờ biển liền kề hoặc đối diện, tuy nhiên, số liệu thống kê cụ thể chưa được lưu lại một cách hệ thống.

3.3.1.2. Thực thi luật quốc tế về phòng, chống IUU

Là thành viên các điều ước quốc tế, Việt Nam đã thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống IUU bằng việc nội luật hóa các quy định của các điều ước quốc tế thông qua việc ban hành luật, quy định như luật biển số 18/2012/QH13 ngày 21/6/2012; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 4/4/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 hướng dẫn thi hành luật thủy sản; Nghị định 38/2024/NĐ-CP ngày 5/4/2024 thay thế Nghị định 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản, tạo khung pháp lý toàn diện để phòng, chống IUU.

3.3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Việt Nam

3.3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống IUU

Hiện nay, theo quy định của Luật thủy sản Việt Nam năm 2017 quy định tàu cá có chiều dài từ 15 m trở lên mới bắt buộc phải lắp đặt hệ thống giám sát hành trình. Tuy nhiên, trong thực tế thì những tàu cá có chiều dài dưới 15 m vẫn có nguy cơ cao vi phạm IUU. Do vậy, cần bổ sung quy định bắt buộc lắp đặt hệ thống VMS đối với các tàu cá có chiều dài từ 6 m đến dưới 15 m để phục vụ cho việc quản lý, giám sát hoạt động IUU. Bên cạnh đó, cần bổ sung trong quy định của pháp luật đối với hành vi tháo dỡ hệ thống VMS trên tàu cá gửi sang tàu khác là vi phạm IUU. Đối với hành vi này cần xử lý đối với tàu tháo gỡ VMS và tàu chuyên chở hệ thống VMS từ tàu khác gửi.

3.3.2.2. Tăng cường tuyên truyền và thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, thực thi pháp luật

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến pháp luật về IUU, kết hợp tuyên truyền từ bờ và trên thực địa, tập trung đi sâu tuyên truyền đúng đối tượng là chủ tàu cá có nguy cơ vi phạm cao. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thông tấn báo chí trung ương và địa phương với chính quyền địa phương và lực lượng thực thi pháp luật trên biển để nâng cao hiệu quả tuyên truyền. Bên cạnh đó, tăng cường phối hợp giữa các lực lượng thực thi pháp luật để trao đổi thông tin, xác minh vụ việc, phối hợp hành động nhằm xử lý hiệu quả các vụ vi phạm IUU trên thực địa. Cần xử lý nghiêm tàu cá nước ngoài, nhất là tàu cá Trung Quốc vi phạm IUU tại vùng biển Việt Nam. Việt Nam cần gia tăng các biện pháp đấu tranh thực địa, chính trị, ngoại giao và dư luận nhằm ngăn chặn tàu cá Trung Quốc vi phạm vùng biển Việt Nam để khai thác IUU.

3.3.2.3. Thực hiện việc cấp giấy chứng nhận sản lượng khai thác và truy suất nguồn gốc thủy sản từ khai thác

Áp dụng truy suất nguồn gốc để đảm bảo việc kiểm soát sản phẩm thủy sản trong toàn bộ chuỗi cung ứng, cũng như áp dụng quy trình tác nghiệp tiêu chuẩn đối với việc kiểm tra chéo và xác minh thông tin trong giấy chứng nhận đánh bắt thủy sản theo quy định của EC. Nhật ký khai thác thủy sản cần bảo đảm đúng, đầy đủ thông tin theo quy định, đảm bảo độ tin cậy để truy xuất nguồn gốc.

3.3.2.4. Chủ động cắt giảm lượng tàu cá và đàm phán với một số quốc gia để đưa tàu cá Việt Nam sang khai thác hợp pháp

Cắt giảm lượng tàu cá sẽ giúp đảm bảo tính bền vững, cân bằng giữa trữ lượng, đội tàu và cường lực khai thác. Khi năng lực khai thác của đội tàu cá Việt Nam phù hợp với khả năng khai thác bền vững trong vùng biển Việt Nam thì động lực tàu cá Việt Nam sang vùng biển nước ngoài khai thác IUU sẽ giảm. Bên cạnh đó, Việt Nam cần chủ động đàm phán với các quốc gia giàu nguồn lợi hải sản nhưng không khai thác hết khối lượng đánh bắt cho phép để đưa các tàu cá Việt Nam khai thác hợp pháp trên các vùng biển nước ngoài.

3.3.2.5. Chính sách hỗ trợ nuôi trồng và chế biến thủy sản

Việt Nam xác định thủy sản là một trọng những mặt hàng xuất khẩu quan trọng, đóng góp phần đáng kể vào tỷ trọng GDP. Sản phẩm thủy sản xuất khẩu dựa vào khai thác và nuôi trồng, trong đó số lượng sản phẩm khai thác là có hạn. Do vậy, để đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng đối với lượng thủy sản xuất khẩu, Việt Nam cần có chính sách hỗ trợ để đầu tư nuôi trồng thủy sản, vừa đảm bảo nguồn cung bền vững, vừa giảm áp lực đối với nguồn cung là sản phẩm khai thác. Bên cạnh đó, cần có chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển công nghiệp chế biến làm gia tăng giá trị sản phẩm thủy sản.

Tiểu kết chương 3

Thực trạng công tác phòng, chống IUU của các nước khu vực Biển Đông vẫn còn một số bất cập như việc tham gia các điều ước quốc tế về phòng, chống IUU còn hạn chế như Trung Quốc, Malaysia, Brunei; năng lực khai thác của đội tàu cá quá lớn, vượt xa với khả năng khai thác bền vững trong vùng biển thuộc quyền quản lý như Trung Quốc và Việt Nam, đây có thể là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến khai thác IUU ở vùng biển nước ngoài. Đài Loan (Trung Quốc) chưa có địa vị pháp lý quốc tế rõ ràng nên khó khăn trong hợp tác với các quốc gia khác trong phòng, chống IUU.

Hợp tác cùng phát triển là bài toán các bên cùng thắng, tuy nhiên xác định khu vực nào là thực sự tranh chấp để có thể hợp tác cùng phát triển là một vấn đề quan trọng nhưng cũng rất khó khăn. Qua việc phân tích kỹ lưỡng trên cơ sở pháp lý quốc tế, tác giả đã chỉ ra ba khu vực cụ thể có thể thành lập khu đánh cá chung: khu vực ngoài cửa vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam-Trung Quốc; khu vực Hoàng Sa giữa Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan; khu vực Trường Sa và trung tâm Biển Đông giữa Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Brunei và Đài Loan. Bên cạnh đó, đề xuất thành lập Tổ chức nghề cá tiểu khu vực Biển Đông nhằm bảo tồn quản lý tài nguyên trong phạm vi toàn

bộ Biển Đông vì coi đây là một hệ sinh thái thống nhất. Hơn nữa, cần thúc đẩy hợp tác giữa lực lượng thực thi pháp luật trên biển trong khu vực Biển Đông nhằm chia sẻ thông tin, phối hợp trên thực địa để nâng cao hiệu quả trong phòng chống IUU. Việt Nam là quốc gia trong khu vực Biển Đông đang bị EC cảnh báo “thẻ vàng” do khai thác IUU, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để phòng, chống IUU hiệu quả, để EC có thể gỡ cảnh báo “thẻ vàng” cho ngành thủy sản.

KẾT LUẬN

Khai thác IUU là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng tới việc khai thác bền vững nguồn tài nguyên sinh vật, an ninh lương thực, kinh tế biển, quản trị biển, đồng thời nó cũng là nguyên nhân chính phá vỡ sự đa dạng sinh học biển trên toàn cầu. Chính vì vậy, cộng đồng quốc tế đã quan tâm đặc biệt đến vấn đề phòng, chống IUU trên phạm vi toàn cầu. Biển Đông là biển nửa kín, giàu tài nguyên sinh vật biển, các quốc gia xung quanh Biển Đông có nghĩa vụ hợp tác trong bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật và phòng, chống IUU. Tuy nhiên, Biển Đông cũng là khu vực tranh chấp rất phức tạp. Việc đàm phán phân định cũng như giải quyết tranh chấp tại Biển Đông trong tương lai gần là chưa khả thi. Do vậy, đàm phán các thỏa thuận hợp tác nghề cá là một trong những giải pháp quan trọng trong phòng, chống IUU tại Biển Đông. Do điều kiện về nguồn lực có hạn, luận án không thể nghiên cứu về thực trạng phòng, chống IUU của tất cả các nước khu vực Biển Đông mà chỉ lựa chọn Việt Nam là quốc gia đại diện.

Một số khu vực được lựa chọn nghiên cứu có đặc điểm tình hình tương đồng với Biển Đông, đây là những khu vực có tranh chấp hoặc quyền lợi chồng chéo giữa các Bên liên quan. Một số quốc gia được lựa chọn nghiên cứu là các quốc gia có thị trường nhập khẩu lớn, có hệ thống pháp luật được xây dựng phù hợp với luật quốc tế trong phòng, chống IUU. Bên cạnh đó, còn lựa chọn một số quốc gia đã từng

bị EC cảnh báo “thẻ vàng” để nghiên cứu các biện pháp các quốc gia này đã thực hiện để gỡ cảnh báo thẻ vàng.

Một số điểm mới trong luận án. Thứ nhất, luận án đã nghiên cứu tương đối toàn diện các quy định của luật quốc tế trong, phòng chống IUU, thông qua việc thực thi luật quốc tế tại một số khu vực và một số quốc gia để tổng kết thành các giải pháp chung trong phòng, chống IUU. Thứ hai, luận án đã đề xuất ba giải pháp cụ thể trong phòng chống IUU tại Biển Đông. Giải pháp thành lập Tổ chức nghề cá tiểu khu vực Biển Đông đã chỉ ra khu áp dụng, thành viên, chức năng nhiệm vụ cũng như các biện pháp để thực hiện giải pháp đó. Giải pháp thiết lập thỏa thuận hợp tác nghề cá ở Biển Đông đã chỉ ra các khu vực cụ thể, thành viên trong từng khu vực và các mô hình hợp tác cụ thể. Giải pháp về hợp tác thực thi pháp luật đã đề xuất cơ chế hợp tác đa phương thông qua ký kết thỏa thuận hợp tác giữa các lực lượng thực thi pháp luật của các quốc gia khu vực Biển Đông. Thứ ba, một số giải pháp phòng, chống IUU tại Việt Nam, luận án đã tổng kết một số giải pháp đã được đề cập trong một số tài liệu nghiên cứu trước đây và căn cứ vào kết quả thanh tra lần thứ 4 của EC để bổ sung, hoàn thiện các giải pháp phù hợp với thực tiễn phòng, chống IUU của Việt Nam.

Phòng, chống IUU trên phạm vi toàn cầu là công việc cấp bách cũng như lâu dài, đòi hỏi nhiều nguồn lực cũng như các biện pháp phù hợp trong từng điều kiện cụ thể đối với từng quốc gia, khu vực. Đối với khu vực Biển Đông và Việt Nam, các giải pháp trên chỉ là các giải pháp được đề ra từ kết quả nghiên cứu của luận án nên có thể chưa thực sự toàn diện. Tuy nhiên, thực hiện tốt các giải pháp trên sẽ góp phần nhất định trong việc nâng cao hiệu quả phòng, chống IUU tại Biển Đông cũng như tại Việt Nam. Khai thác thủy sản có trách nhiệm, chấm dứt IUU không chỉ là mục tiêu mà còn là đích đến của toàn thể nhân loại, một thế giới không còn IUU không những quan trọng cho thế hệ này mà còn cho cả thế hệ tương lai./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

- 1 Nguyễn Khắc Vượt (2021) “Chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định: kinh nghiệm của Thái Lan và Philippines”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, tháng 12/2021. Tr 50-61.
- 2 Nguyễn Khắc Vượt (2022) “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học quân sự*, tháng 5/2022. Tr 27-30.
- 3 Nguyễn Khắc Vượt (2023) “Chính sách hỗ trợ phát triển nghề cá bền vững và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 11(171)/2023. Tr 77-85.
- 4 Nguyễn Khắc Vượt (2024) “Nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển trong phòng, chống IUU tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 11(490) tháng 6/2024. Tr 35-43.
- 5 Nguyễn Khắc Vượt (2024) “Quy định của UNCLOS 1982 về trách nhiệm của quốc gia trong phòng, chống IUU tại vùng đặc quyền kinh tế”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 09(181)/2024. Tr 96-105.
- 6 Nguyễn Khắc Vượt (2024) “Thực trạng và giải pháp phòng, chống IUU tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 24(503) tháng 12/2024. Tr 42-47, 64.
- 7 Nguyễn Khắc Vượt (2024) “Causes, Consequencies and Solutions Against IUU in Vietnam” in Trade and Marine Environment Protection: Status and Perspectives of International, Regional and National Laws, Eds. Michel Trochu, Danielle Charles-Le-Bihan, Trinh Thi Thu Huong, Vu Kim Ngan, Nguyen Ngoc Ha, *Presses de l'Université Laval*. Tr 143-159
- 8 Nguyễn Khắc Vượt (2023), “Nâng cao hiệu quả hợp tác phòng chống tội phạm và phòng chống IUU trên biển giữa cảnh sát biển các nước khu vực Biển Đông” (Kỷ yếu hội thảo Quốc tế về Biển Đông lần thứ 15), *Chờ xuất bản*.